

Số: /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ sét Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 21/10/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm gạch mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư khai thác đất làm gạch mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang”;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 11/11/2025 của Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 387/TTr-SNNMT ngày 19/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang khai thác khoáng sản đất làm gạch mỏ tổ dân phố Tràng Đà 4, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang (trước là mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang), với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: đất làm gạch.
2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 8,0 ha.

b) Mức sâu khai thác: từ cos +160 m đến cos +45 m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: 761.839 m³.

5. Công suất khai thác tối đa: 55.000 m³ / năm.

6. Thời hạn khai thác: 15 (mười lăm) năm kể từ ngày cấp giấy phép. Trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là 06 tháng.

Điều 2. Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Thực hiện đầy đủ biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phục hồi môi trường sau khai thác; Chấp hành ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; Không được phép khai thác ngoài phạm vi, độ sâu, công suất cho phép.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

Thông báo cho Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Khoản 6 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 bản chính);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang (bản chính);
- Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến;
- Lưu: VT; KTN (Tuấn Anh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, (Kinh tuyến trục 106 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	²⁴ 18.212	⁴ 17.753
2	²⁴ 18.294	⁴ 17.686
3	²⁴ 18.371	⁴ 17.702
4	²⁴ 18.373	⁴ 17.670
5	²⁴ 18.301	⁴ 17.541
6	²⁴ 18.168	⁴ 17.496
7	²⁴ 18.146	⁴ 17.451
8	²⁴ 18.091	⁴ 17.413
9	²⁴ 18.000	⁴ 17.401
10	²⁴ 17.915	⁴ 17.521
Diện tích: 8,0 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất: + 160 m. Mức sâu khai thác thấp nhất: + 45 m.		

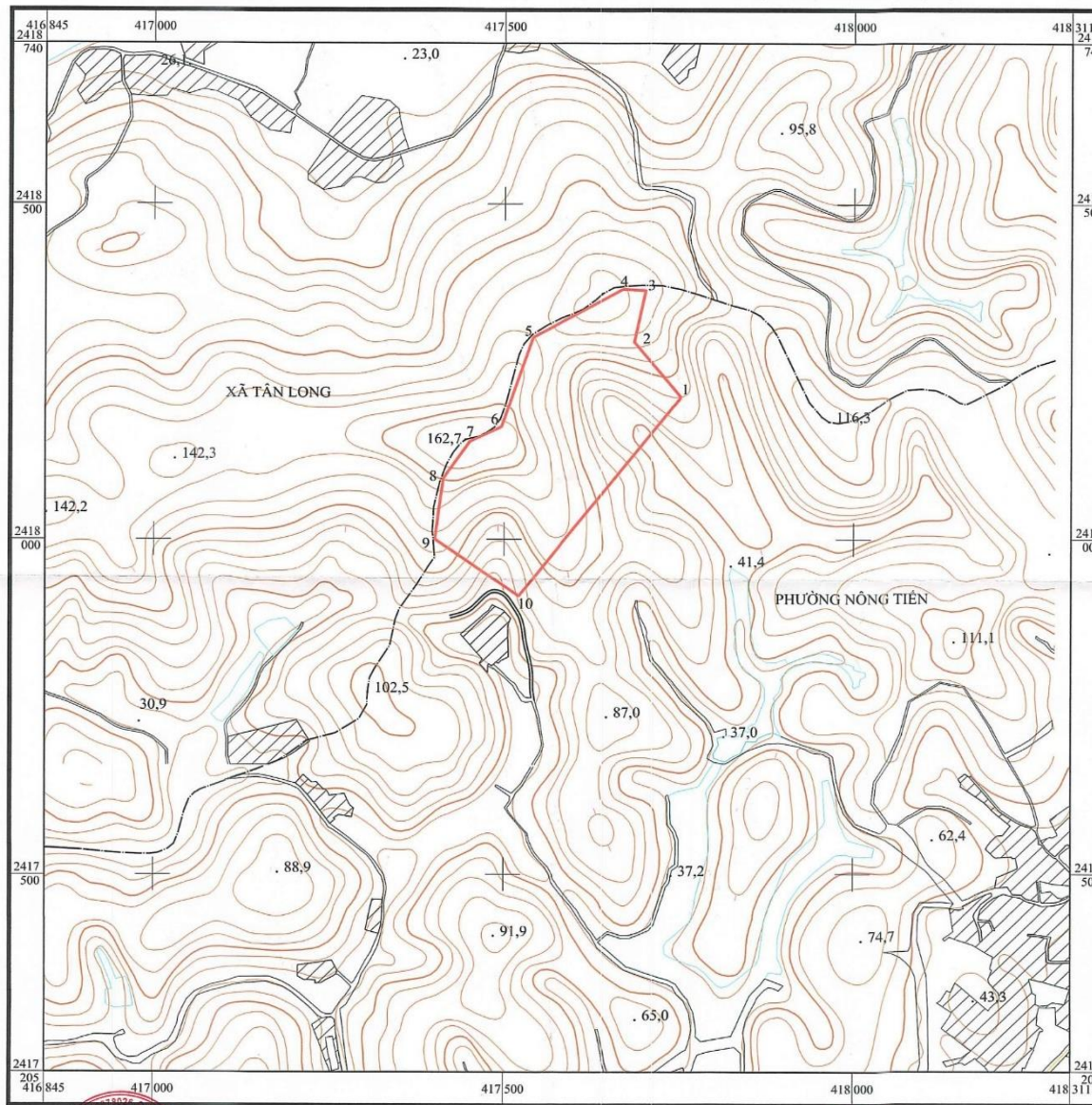
BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Đất làm gạch tại khu vực mỏ tổ dân phố Tràng Đà 4, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang
 (Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-UBND ngày tháng năm 202..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 106°00' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	2418.212	417.753
2	2418.294	417.686
3	2418.371	417.702
4	2418.373	417.670
5	2418.301	417.541
6	2418.168	417.496
7	2418.146	417.451
8	2418.091	417.413
9	2418.000	417.401
10	2417.915	417.521

Diện tích S = 8,0 ha



CHÚ DẪN

- Bình độ cái, độ cao bình độ cái
- Bình độ con
- Điểm độ cao
- Ranh giới xã
- Đường giao thông
- Sông, suối, ao, hồ
- Khu dân cư

Ranh giới khu vực khai thác khoáng sản
Diện tích S = 8,0 ha

"Nền địa hình được trích từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000, Kinh tuyến trục 106°00' múi chiếu 3°, số hiệu F-48-55-A-d-2"

TỶ LỆ 1:5.000
1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực địa



GIÁM ĐỐC
Trần Đức Hùng



CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thị Hiền